

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LAI CHÂU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2025/HS-PT
Ngày 03 - 7 - 2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đoàn Hằng Hải.

Các Thẩm phán: Ông Vàng Xuân Hiệp; Bà Phan Thị Phương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Hằng, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lai Châu tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu, mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 23/2025/TLPT-HS, ngày 20 tháng 5 năm 2025 đối với bị cáo Nguyễn Văn T do có kháng cáo của người bị hại ông Bùi Quang N đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 50/2025/HS-ST ngày 14/4/2025 của Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu (*nay là Tòa án nhân dân khu vực 3*).

Bị cáo bị kháng cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Văn T**, sinh ngày 16/9/1988, tại huyện T, tỉnh Thái Bình. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở hiện nay: Tổ dân phố H, thị trấn P, huyện P, tỉnh Lai Châu (Nay là xã P, tỉnh Lai Châu); nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; bố đẻ: Nguyễn Văn G, sinh năm 1963; mẹ đẻ: Trần Thị B, sinh năm 1966; vợ thứ nhất (đã ly hôn): Phạm Thị T1, sinh năm 1987; vợ thứ hai (đã ly hôn): Nguyễn Thị H, sinh năm 1996; bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 16/8/2024 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

Bị hại kháng cáo: Ông Bùi Quang N, sinh ngày 12/4/1954, địa chỉ: Tổ dân phố P, thị trấn P, huyện P, tỉnh Lai Châu (Nay là xã P, tỉnh Lai Châu), có mặt tại phiên tòa.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại: Ông Trình Kiên C - Luật sư của Công ty L, Đoàn Luật sư thành phố H, có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ông Bùi Quang N và vợ là bà Trịnh Thị P kinh doanh bán hàng tạp hóa tại kiốt chợ thị trấn P thuộc tổ dân phố P, thị trấn P, huyện P, tỉnh Lai Châu (Nay là xã P, tỉnh Lai Châu). Cảnh kiốt của ông N, bà P là kiốt của ông Nguyễn Văn G, sinh năm 1963 và vợ là bà Trần Thị B, sinh năm 1966, đều trú tại tổ dân phố H, thị trấn P, huyện P, tỉnh Lai Châu ((Nay là xã P, tỉnh Lai Châu) . Ông G và bà B kinh doanh bán hàng ăn uống. Sáng ngày 30/4/2024, ông N và bà P thuê người xây bờ trên vỉa hè ngăn giữa 02 kiốt của hai nhà. Khoảng 09 giờ cùng ngày, hai bên xảy ra mâu thuẫn trong việc xây dựng và dùng cát, xi măng ném vào nhau. Lúc này, cháu Lò Gia B1, sinh ngày 27/7/2009, là cháu ngoại của ông N, bà P đang ở kiốt của ông N và bà P đã gọi điện thoại cho anh Bùi Quang N1, là con trai của ông N, bà P để thông báo sự việc. Sau đó, N1 điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Vision, biển kiểm soát 25B1-622.54 đi từ nhà đến để xem tình hình.

Sáng ngày 30/4/2024, Nguyễn Văn T (là con trai của ông G, bà B) cùng bạn là Trần Văn C1 đi ăn sáng, uống rượu tại thị trấn P. Khoảng 09 giờ 20 phút cùng ngày, T mượn xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave RS, biển kiểm soát 25F1-6687 của anh Vàng Văn B2 để chở ống nước nhựa về kiốt của ông G, bà B. Tuyến là người điều khiển xe, C1 ngồi sau. Hồi 09 giờ 28 phút, ngày 30/4/2024, khi đi đến cách kiốt của ông G, bà B khoảng 08 mét, T thấy ông N, bà P đang cãi nhau với bố mẹ mình. Do bức tức, T điều khiển xe mô tô với tốc độ khoảng 30 km/h đâm trực diện phía trước vào người ông N làm ông N ngã xuống đường, bà P và anh N1 đứng ở gần đó nên cũng bị đẩy theo làm bà P ngã đập phần hông xuống đất, anh N1 bị ngã khuỷu xuống. Ngay sau đó, bà P và cháu B1 lao vào dùng tay chân đánh T. Tuyến định chạy vào trong kiốt thì anh N1 kéo giữ tay trái của T, T vùng dậy dùng tay phải đâm vào mặt anh N1. Lúc này, mọi người ở gần đó đến can ngăn, hai bên dừng lại, ông N được gia đình đưa đi điều trị tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh L. Kết quả kiểm tra nồng độ cồn trong khí thở của Nguyễn Văn T vào hồi 11 giờ 52 phút, ngày 30/4/2024 là 0,902 mg/lít khí thở.

Tại bản Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số: 100/KLTTCT-TTPYLC, ngày 12/6/2024, của Trung tâm P1 - Sở Y tế tỉnh L đối với ông Bùi Quang N, kết luận:

1. Các kết quả chính: Khám khớp vai trái hạn chế vận động ít của 2 tư thế; chu vi cánh tay hai bên đều nhau. Hình ảnh nang xương dưới sụn vùng cổ xương cánh tay trái; ít dịch quanh khớp vai trái; viêm khớp cùng vai đòn trái.

2. Kết luận: Căn cứ Thông tư số: 22/2019/TT-BYT, của Bộ Y, ngày 28/8/2019, quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần, xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của ông Bùi Quang N tại thời điểm giám định là 12% (Mười hai phần trăm). Cơ

ché hình thành các dấu vết thương tích: Tổn thương tại khớp vai trái do vật tày tác động gây ra.

Tại bản Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số: 104/KLTTCT-TTPYLC, ngày 28/6/2024, của Trung tâm P1 - Sở Y tế tỉnh L đối với anh Bùi Quang N1, kết luận: “Hiện tại không có thương tích trên cơ thể Bùi Quang N1”.

Tại bản Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 107/KLTTCT-TTPYLC, ngày 01/7/2024, của Trung tâm P1 - Sở Y tế tỉnh L đối với Nguyễn Văn T kết luận: “Hiện tại cơ thể của Nguyễn Văn T không có dấu hiệu vết tổn thương.”

Kết quả kiểm tra tình trạng xe, kết quả thực nghiệm xác định chiếc xe Tuyến điều khiển lao vào ông N bị hỏng phanh chân, nếu T dùng phanh tay của xe mô tô thì có thể dừng được xe trước khi đâm vào ông N.

Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật, xử lý vật chứng: Thu giữ tại hiện trường vụ án 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Vision, biển kiểm soát 25B1-622.54 và 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Wave RS, biển kiểm soát 21F2-6687. Xét thấy không ảnh hưởng đến việc xử lý vụ án và thi hành án, ngày 16/8/2024, Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại chiếc xe mô tô biển kiểm soát 25B1-622.54 cho anh Bùi Quang N1.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra thu giữ 02 tệp tin trong điện thoại di động của anh Bùi Quang N1 và anh Lò Văn Ô; thu giữ 01 tệp tin video từ hệ thống camera an ninh của Công an huyện P. Anh N1 dùng điện thoại quay lại hiện trường sau khi vụ án xảy ra. Anh Ô là người có mặt tại hiện trường, dùng điện thoại quay lại diễn biến vụ án. Tại bản Kết luận giám định số: 967/KL-KTHS, ngày 30/7/2024, của Phòng K Công an tỉnh L, kết luận: “không phát hiện dấu hiệu cắt, ghép chỉnh sửa trong 03 tệp tin video gửi giám định”.

Phản dân sự: Quá trình điều tra, bị hại chưa có yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đề nghị được nhận lại tài sản là chiếc xe mô tô biển kiểm soát 21F2-6687, ngoài ra không có yêu cầu gì.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 50/2025/HS-ST ngày 14/4/2025 của Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu đã quyết định:

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm i khoản 1 Điều 52, khoản 2 Điều 47, Điều 38 của Bộ luật Hình sự; điểm b khoản 3 Điều 106, các Điều 135, 136, 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T: 02 (Hai) năm, 03 (Ba) tháng tù. Thời hạn thi hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Xử lý vật chứng và phân trách nhiệm dân sự: Trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Vàng Văn B2 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Wave RS, biển kiểm soát 21F2-6687.

Tách phần yêu cầu bồi thường thiệt hại do sức khoẻ bị xâm phạm để giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự khi có yêu cầu.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 21/4/2025, người bị hại có đơn kháng cáo với nội dung đề nghị Tòa cấp phúc thẩm xem xét lại hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Văn T theo hướng tăng nặng hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người bị hại vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo và không cung cấp chứng cứ gì thêm cho yêu cầu kháng cáo của mình. Bị cáo Nguyễn Văn T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát đã phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và cho rằng: Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo về tội: “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đảm bảo đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Xét mức hình phạt 02 năm 03 tháng tù mà Tòa cấp sơ thẩm đã xử phạt đối với bị cáo là thoả đáng, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Do đó, kháng cáo của người bị hại đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm tăng mức hình phạt đối với bị cáo là không có căn cứ để chấp nhận.

Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của người bị hại, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại trình bày:

Đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, điểm s khoản 1 Điều 51 đối với bị cáo do bị cáo không trực tiếp đến bồi thường thiệt hại cho bị hại mà nộp tiền bồi thường tại cơ quan Thi hành án dân sự, mức bồi thường chưa tương xứng, quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo có nhiều lần thay đổi lời khai, không thành khẩn, sau khi xét xử có biểu hiện thách thức đối với bị hại do vậy không thuộc trường hợp thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải theo điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm điểm n khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát tranh luận bác bỏ toàn bộ ý kiến theo luận cứ mà người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị hại đưa ra.

Bị cáo không tranh luận gì, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị hại Bùi Quang N nộp trong thời hạn luật định, nội dung phù hợp với quy định tại các Điều 331,332,333 Bộ luật tố tụng hình sự nên đơn kháng cáo của bị hại là hợp lệ.

[2] Về hành vi phạm tội:

Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm; phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Như vậy có đủ cơ sở để kết luận:

Hồi 09 giờ 28 phút, ngày 30/4/2024, tại tổ dân phố P, thị trấn P, huyện P, tỉnh Lai Châu (Nay là xã P, tỉnh Lai Châu), do bức tức việc ông Bùi Quang N cãi nhau với bố, mẹ của Nguyễn Văn T nên Nguyễn Văn T đã thực hiện hành vi điều khiển chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Wave RS, biển kiểm soát 21F2-6687 đâm thẳng vào người ông Bùi Quang N, gây thương tích cho ông N với tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể là 12%.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

[3] Về nội dung kháng cáo của người bị hại đề nghị tăng mức hình phạt tù đối với bị cáo Nguyễn Văn T: Hội đồng xét xử xét thấy cấp sơ thẩm đã xem xét, đánh giá đầy đủ tính chất mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, áp dụng đúng các quy định của pháp luật về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và quyết định mức hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Văn T là có căn cứ pháp luật. Tại cấp phúc thẩm ông Bùi Quang N kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm tăng mức hình phạt nhưng không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ để bổ sung cho nội dung kháng cáo, lời trình bày của người bị hại tại phiên tòa chỉ do một phía không có tài liệu chứng cứ gì chứng minh do vậy không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của người bị hại.

Đối với nội dung luận cứ mà người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị hại trình bày tại phiên tòa không có căn cứ nên không được chấp nhận.

Đối với phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên chấp nhận theo nội dung đề nghị là phù hợp.

[4] Về án phí phúc thẩm: Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, người bị hại ông Bùi Quang N thuộc trường hợp miễn án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356; Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của người bị hại ông Bùi Quang N. Giữ nguyên Bản án hình sự số 50/2025/HS-ST ngày 14/4/2025 của Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu (*nay là Tòa án nhân dân khu vực 3*) về quyết định hình phạt. Cụ thể như sau:

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm i khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội” Cố ý gây thương tích”.

2. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T: 02 (Hai) năm, 03 (Ba) tháng tù. Thời hạn thi hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

3. Về án phí hình sự phúc thẩm: Người bị hại kháng cáo được miễn án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND tỉnh Lai Châu;
- TAND khu vực 3- Lai Châu;
- VKSND khu vực 3- Lai Châu;
- CA tỉnh Lai Châu (PV06, PC01, PC11);
- THADS tỉnh Lai Châu;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người bảo vệ QLIHP của bị hại;
- Lưu: HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đoàn Hằng Hải